

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **847** /GT-HCCB

Tp.HCM, ngày **07** tháng 08 năm 2023.

Về việc giải trình sự biến động lợi
nhuận sau thuế BCTC hợp nhất bán
niên năm 2023 sau soát xét so với cùng
kỳ năm trước

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty: Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam (CSV)
Trụ sở chính: 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 38296620 - 38225373
Fax: (028) 38239109 - 38243166
Website: www.sochemvn.com
Email: sbcc@sochemvn.com

Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2023 sau soát xét, Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam (mã chứng khoán CSV) xin được giải trình biến động lợi nhuận sau thuế BCTC hợp nhất bán niên năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 như sau:

| Loại báo cáo | Lợi nhuận sau thuế | | Chênh lệch (1) – (2) | Tỷ lệ tăng/giảm (%) |
|--|----------------------|----------------------|-------------------------|---------------------------|
| | Bán niên 2023 (1) | Bán niên 2022 (2) | | |
| Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên sau soát xét | 126.488.050.124 | 240.958.018.852 | -114.469.968.728 | -47,51% |

Nguyên nhân:

| STT | Chỉ tiêu | Bán niên 2023 | Bán niên 2022 | Chênh lệch |
|-----|---|-----------------|-------------------|--------------------|
| (I) | (II) | (III) | (IV) | (V) = (III) – (IV) |
| 1. | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 749.404.298.786 | 1.044.218.542.749 | -294.814.243.963 |
| 2. | Các khoản giảm trừ doanh thu | 0 | 33.842.977 | -33.842.977 |
| 3. | Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 749.404.298.786 | 1.044.184.699.772 | -294.780.400.986 |
| 4. | Giá vốn hàng bán | 536.283.926.339 | 678.117.838.544 | -141.833.912.205 |
| 5. | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 213.120.372.447 | 366.066.861.228 | -152.946.488.781 |
| 6. | Doanh thu hoạt động tài chính | 21.432.672.035 | 8.637.360.793 | 12.795.311.242 |
| 7. | Chi phí tài chính | 3.244.049.359 | 3.126.051.515 | 117.997.844 |



| STT | Chỉ tiêu | Bán niên 2023 | Bán niên 2022 | Chênh lệch |
|------------|---|------------------------|------------------------|-------------------------|
| (I) | (II) | (III) | (IV) | (V) = (III) – (IV) |
| 8. | Chi phí bán hàng | 39.141.101.170 | 40.867.456.111 | -1.726.354.941 |
| 9. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 38.260.331.794 | 29.726.457.130 | 8.533.874.664 |
| 10. | Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh | 153.907.562.159 | 300.984.257.265 | -147.076.695.106 |
| 11. | Thu nhập khác | 4.116.996.269 | 405.283.147 | 3.711.713.122 |
| 12. | Chi phí khác | 112.822.740 | 21.184.094 | 91.638.646 |
| 13. | Lợi nhuận khác | 4.004.173.529 | 384.099.053 | 3.620.074.476 |
| 14. | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 157.911.735.688 | 301.368.356.318 | -143.456.620.630 |
| 15. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 33.588.156.349 | 62.054.661.038 | -28.466.504.689 |
| 16. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | -2.164.470.785 | -1.644.323.572 | -520.147.213 |
| 17. | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 126.488.050.124 | 240.958.018.852 | -114.469.968.728 |

Lợi nhuận kế toán trước thuế bán niên năm 2023 giảm 143.457 triệu đồng (tương ứng giảm 47,60%), và lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2023 giảm 114.470 triệu đồng (tương ứng giảm 47,51%) so với cùng kỳ năm trước do một số nguyên nhân chính:

- Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ bán niên năm 2023 giảm 294.780 triệu đồng (tỷ lệ giảm 28,23%), nguyên nhân chủ yếu do:

+ Tại công ty mẹ: doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ giảm 196.745 triệu đồng, do sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chính giảm như: NaOH giảm 9%, HCl giảm 18%, Clor lỏng giảm 7%, H₂SO₄ giảm 49%, và Javel giảm 15%; bên cạnh đó giá bán bình quân một số sản phẩm chính giảm như: HCl giảm 42%, H₂SO₄ giảm 41%.

+ Tại công ty con: giá bán bình quân phốt pho vàng giảm 17,43%, sản lượng tiêu thụ giảm 22%.

- Chi phí giá vốn hàng bán giảm 141.834 triệu đồng (tỷ lệ giảm 20,92%), do:

+ Tại công ty mẹ: chi phí giá vốn hàng bán giảm do sản lượng tiêu thụ giảm, chi phí giá thành H₂SO₄ giảm (giá nguyên liệu lưu huỳnh giảm 44%), chi phí giá thành sản phẩm gốc xút – clor giảm (giá nguyên liệu muối công nghiệp giảm 7%).

+ Tại công ty con: do sản lượng tiêu thụ sản phẩm phốt pho vàng giảm, giá thành sản phẩm Phốt pho vàng giảm (do giá than cốc giảm 13%).

- Doanh thu hoạt động tài chính so với cùng kỳ năm trước tăng 12.795 triệu đồng (tăng 148,14%), do chủ yếu do lãi tiền gửi tăng 12.128 triệu đồng và chênh lệch tỷ giá tăng 667 triệu đồng.

- Chi phí tài chính tăng 118 triệu, chủ yếu do chi phí lãi vay tăng 1.581 triệu đồng và lỗ do đánh giá lại tỷ giá cuối kỳ giảm 1.463 triệu đồng.

- Chi phí bán hàng giảm 1.726 triệu đồng (giảm 4,22%) do sản lượng tiêu thụ tăng và đơn giá vận chuyển sản phẩm giảm.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 8.534 triệu đồng (tăng 27,71%) do cùng kỳ năm trước phát sinh hoàn nhập dự phòng 5.728 triệu đồng và phát sinh điều chỉnh chi phí bán hàng sang chi phí quản lý trong kỳ năm nay.

Trên đây là một số nguyên nhân chính, chủ yếu dẫn đến lợi nhuận sau thuế BCTC hợp nhất bán niên năm 2023 giảm so với cùng kỳ năm 2022.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. ✓

Trân trọng.

Nơi nhận

- Như trên
- HĐQT, CBTT
- Lưu VT, Thư ký

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Thanh Bình

